TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOẰNG HÓA
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:41/2025/HS-ST
Ngày 07/5/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOẰNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Cao Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Hải
Bà Hoàng Thị Hòa

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kiều Oanh - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 35/2025/TLST-HS ngày 21 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 36/2025/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2025 đối với:

Bị cáo **Lê Phú B**; sinh ngày 15/6/1988 tại Thanh Hóa; số CCCD 038088006844; nơi cư trú: Thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Phú T và bà Lường Thị T1; vợ: Nguyễn Thị T2 và có 02 con; tiền sự; tiền án: Không; nhân thân: Ngày 12/3/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, xử phạt 09 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/9/2015. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/01/2025 đến ngày 21/01/2025 được thay đổi biện pháp ngăn chặn, bị cáo đang thực hiện Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt

Bị hại: Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1994. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị N, sinh năm 1971. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Nông Văn N1, sinh năm 1997. Có mặt.

Nơi cư trú: Xóm C, xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Người làm chứng:

1. Cháu Lê Phú Hoàng K, sinh ngày 31/10/2009. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp cho cháu Lê Phú H K: Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1994. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chị Hà Thị T3, sinh năm 1984. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Xóm V, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18^{h} ngày 16/01/2025, Lê Phú B mượn xe môtô nhãn hiệu Honda Vision màu đen bạc, BKS 20G1-048.66 của chị Hà Thị T3 ở xóm V, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên chở con trai là Lê Phú Hoàng K, sinh ngày 31/10/2009 từ huyện P, tỉnh Thái Nguyên về nhà ở thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; đến khoảng 01^{h}45’ ngày 17/01/2025 về đến cổng nhà; B nói với K là quên không mang chìa khóa mở cửa cổng và dặn K đứng ở ngoài cổng để trông xe, còn B trèo qua tường rào vào trong nhà và thấy chiếc xe môtô nhãn hiệu Honda Airblade màu đỏ đen, BKS 36E1-465.63 của bà Trần Thị N (mẹ vợ B) cho chị Nguyễn Thị T2 (vợ B) sử dụng làm phương tiện đi lại đang dựng ở trước sân nhà, B đi bộ lại hè nhà rồi cởi giày ra để đi bằng chân đất. Lúc này, cửa vào phòng khách không khóa mà chỉ khép hờ, B mở cửa đi vào trong phòng khách tìm chìa khóa xe môtô Airblade và chìa khóa cửa cổng nhưng không thấy; Bách đi lại chỗ giường ngủ của chị Nguyễn Thị T2 đang ngủ để tìm chìa khóa ở đầu giường nhưng không thấy; sau đó, B lục, tìm trong áo khoác của chị T2 đang treo ở móc quần áo thì thấy chìa khóa cửa cổng và chìa khóa xe đang để bên trong túi áo; Bách lấy hai chìa khóa trên đi ra ngoài mở khóa cửa cổng và dắt chiếc xe Airblade ra ngoài đường rồi khép cửa cổng lại và lấy đi ổ khóa cửa cổng cùng chìa khóa; sau khi lấy được xe Airblade, B điều khiển chiếc xe môtô trên và đưa chiếc xe môtô nhãn hiệu Honda Vision màu đen bạc, BKS 20G1-048.66 để K điều khiển.

Khi xe đi đến khu vực ngã ba đường thôn P, xã H, H thì dừng lại, B mở cốp xe Airblade thấy có 01 chiếc ví màu đỏ; trong ví có 01 đăng ký xe BKS 36E1-465.63, 01 chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị N, 01 căn cước công dân và 01 thẻ Ngân hàng mang tên Nguyễn Thị T2. Sau khi kiểm tra, B lấy 01 đăng ký xe, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị N; còn các giấy tờ khác B để lại trong ví, rồi vứt lại bên đường ở khu vực ngã ba đường thuộc thôn P, xã H; sau đó, B và K tiếp tục mỗi người một xe điều khiển đi đến phòng trọ của B ở xóm V, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Đến khoảng 09^{h}45’ ngày 17/01/2025, B điều khiển chiếc xe môtô nhãn hiệu Honda Airblade BKS 36E1-465.63 đến cửa hàng sửa chữa xe máy Hiền T4 bán chiếc xe môtô trên cho anh Nông Văn N1, trú tại xã L, huyện V, tỉnh Thái Nguyên lấy số tiền 26.500.000 đồng.

Sau khi phát hiện bị mất trộm xe môtô, chị T2 đã đến Công an xã H báo cáo sự việc. Biết hành vi trộm cắp của mình không thể trốn tránh pháp luật nên Lê Phú B đã đến Công an huyện H để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 21/01/2025 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện H kết luận: 01 chiếc xe môtô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đỏ đen, BKS 36E1-465.63, số khung RLHJ1407NZ011465,

số máy JK14E0014958 đã qua sử dụng tại thời điểm bị trộm cắp có giá trị 28.000.000 đồng (*Hai mươi tám triệu đồng*).

Về vật chứng: 01 xe môtô nhãn hiệu Honda Airblade, màu đỏ đen, BKS 36E1-465.63, số khung RLHJ1407NZ011465, số máy JK14E0014958 đã qua sử dụng chủ sở hữu là bà Trần Thị N. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H trả lại cho bà Trần Thị N, bà N không có yêu cầu gì khác.

Về bồi thường dân sự: Lê Phú B đã trả cho anh Nông Văn N1 số tiền 26.500.000 đồng mà anh N1 đã mua xe của B.

Cáo trạng số 47/CT-VKSHH ngày 18/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo Lê Phú B về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật nêu trên, sau khi đánh giá tính chất vụ án, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Phú B phạm tội "Trộm cắp tài sản"; áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo từ 15 tháng tù đến 21 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 19/01/2025 đến ngày 21/01/2025; không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo và buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố, đồng ý với luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, không có ý kiến tranh luận gì và lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Khoảng 01^{h}45' ngày 17/01/2025, tại thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, Lê Phú B đã lợi dụng lúc chị Nguyễn Thị T2 ngủ say, lén lút trộm cắp 01 xe môtô Honda Airblade, màu đỏ đen, BKS 36E1-465.63 của chị Nguyễn Thị T2. Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 21/01/2025 của Hội đồng định giá tài sản thuộc UBND huyện H kết luận chiếc xe môtô Honda Airblade trị giá 28.000.000 đồng.

Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác của bị cáo Lê Phú B đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm của tội "Trộm cắp tài sản" tội phạm, hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất của vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi lợi dụng đêm tối, chủ sở hữu ngủ say, lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Do đó cần phải có hình phạt phù hợp nhằm giáo dục bị cáo và giáo dục chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tài sản chiếm đoạt Công an đã thu giữ trả cho bị hại, bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả do hành vi của mình gây ra, sau khi phạm tội đã đến Công an đầu thú, được bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân: Ngày 12/3/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, xử phạt 09 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", đã xóa án tích, nhưng bị cáo có nhân thân không tốt nên khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét cho phù hợp với tính chất của vụ án và cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo.

[7] Đối với anh Nông Văn N1 đã có hành vi mua chiếc xe môtô nhãn hiệu Honda Airblade, BKS 36E1-465.63 của B, anh N1 không biết đó là tài sản do B phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý đối với anh N1.

[8] Đối với chị Hà Thị T3, khi giao xe cho B mượn và sử dụng chiếc xe môtô nhãn hiệu Honda Vision màu đen bạc, gắn biển kiểm soát 20G1-048.66 chị T3 không biết B sử dụng vào mục đích phạm tội, nên không có căn cứ xử lý.

[9] Đối với cháu Lê Phú Hoàng K (con trai B), quá trình điều tra xác định trước khi B thực hiện hành vi phạm tội B và K không có sự bàn bạc thống nhất gì, khi thực hiện K không biết mục đích của B nhằm trộm cắp chiếc xe; không được hưởng lợi gì nên không có căn cứ xử lý.

[10] Đối với 01 chiếc ví màu đỏ bên trong có giấy tờ tùy thân của chị Nguyễn Thị T2 và 01 ổ khóa cửa chị T2 đã nhận lại, chị T2 không có đề nghị gì nên không xem xét.

[11] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo nghề nghiệp lao động tự do nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[12] Về bồi thường dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt cơ quan Công an đã thu hồi trả lại cho bị hại, bị hại không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

[13] Án phí: Bị cáo là người bị kết án và không thuộc trường hợp miễn án phí nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Phú B phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Lê Phú B **21** (*Hai mươi mốt*) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án hình sự, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 19/01/2025 đến ngày 21/01/2025.

Án phí: Buộc bị cáo Lê Phú B chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thi người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6 ,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND huyện Hoằng Hóa;*
- *Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thanh Hóa;*
- *Cơ quan THAHS Công an tỉnh Thanh Hóa;*
- *Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa;*
- *Bị cáo, bị hại;người có QLNVLQ*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Cao Thị Nga